

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HSST
Ngày 25/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tâm
2. Bà Chu Thị Hảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phụng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Sơn Động;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên,

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 tại huyện S, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn ĐC, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Đặng Thị Đ (đã chết); có vợ là Nông Thị M, sinh năm 1983 và có 2 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không có; không bị tạm giữ, tạm giam; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Hoàng Trọng Nghĩa, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang; có mặt.

* *Người bị hại:* Nguyễn Thị G, sinh ngày 26/02/1998; trú tại thôn ĐC, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

* *Người đại diện hợp pháp của người bị hại:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975, là cha đẻ cháu G; trú tại thôn ĐC, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố về các hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn T biết rõ cháu Nguyễn Thị G (là con đẻ ông Nguyễn Văn H) ở cùng thôn ĐC, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang bị bệnh Đào từ nhỏ, không có trí khôn. Gia đình ông H chỉ có 3 người là ông H, cháu G và em của G là cháu Nguyễn Văn N. Lợi dụng những thời điểm gia đình ông H chỉ có một mình cháu G ở nhà, T đến nhà ông H quan hệ tình dục với cháu G nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày không rõ, trong tháng 5 năm 2016, T đi bộ đến nhà ông H chơi, thấy cháu G đang ngồi trong nhà bếp đun nước; quan sát thấy không còn ai ở nhà, T đi vào nhà bếp hỏi G “bố đi đâu”, G trả lời “bố đi làm”, T hỏi em N đâu, G trả lời “đi chơi”. T tiến lại gần dùng tay vuốt ve, sờ lưng, đùi, ngực, âm hộ và ôm hôn cháu G. T cởi quần áo của cháu G trước, tự cởi quần áo của mình sau, T quàng tay đỡ cháu G nằm ngửa xuống nền nhà bếp rồi nằm đè lên giao cấu với cháu G, khoảng 1 phút sau thì xuất tinh; giao cấu xong T đứng dậy mặc quần áo đi về nhà.

Lần 2: Khoảng 20 giờ, ngày không rõ, trong tháng 5 năm 2016, sau lần thứ nhất khoảng 3 ngày; T đi bộ đến nhà ông H chơi, đến nơi T gọi “H ơi” thì nghe thấy G hú ở đằng sau nhà bếp; quan sát không thấy ông H và cháu N ở nhà, T đi ra phía sau nhà bếp thì nhìn thấy G không mặc quần áo đang tắm trong nhà tắm. T đi vào nhà tắm ôm hôn, sờ ngực, âm hộ rồi bế cháu G ra ngoài khu vực sân giếng, cách nhà tắm khoảng 3m thì đặt G nằm ngửa xuống; T tự cởi quần áo rồi giao cấu với cháu G trong tư thế quỳ gối, giao cấu khoảng 1 phút thì xuất tinh. Đúng lúc này, anh Nông Văn D đứng cách đó khoảng 3m đến 4m nhìn thấy, D nói với T “mày làm gì đấy”, T không nói gì mà đứng dậy mặc quần áo đi về nhà.

Lần 3: Khoảng 20 giờ, ngày không rõ, trong tháng 5 năm 2016, sau lần thứ hai khoảng 3 - 4 ngày; T đi bộ đến nhà ông H với ý định để quan hệ tình dục với cháu G. Đến nơi, T thấy G đang ngồi xem ti vi một mình, ông H và cháu N không có ở nhà; T ngồi sát G tán tỉnh, ôm hôn, sờ ngực G, sau đó T bế G đi ra phía gian thờ của căn nhà, cách chỗ để ti vi 1,5m đặt G nằm ngửa xuống nền nhà. T cởi quần áo của G và tự cởi quần áo của T ra, T nằm đè lên người G, giao cấu với G trong tư thế quỳ gối, khoảng 1 phút thì xuất tinh. Đúng lúc này, anh Nông Văn D đến nhà ông H chơi nhìn thấy, T đứng dậy mặc quần áo rồi đi về nhà.

Sau khi được nghe kể lại sự việc, ông Nguyễn Văn H đã làm đơn tố cáo, đề nghị Công an huyện Sơn Động xử lý Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 7329/16/TD ngày 11/8/2016 của Trung tâm pháp y, Sở Y tế tỉnh Bắc Giang đã kết luận đối với Nguyễn Thị G: Màng trinh giãn rộng, rách cũ ở vị trí 3 giờ, 5 giờ, 11 giờ; hiện tại không có thai.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 10/KLGĐ ngày 05/01/2017 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, Bộ Y tế kết luận:

- Nguyễn Thị G bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F72.

- Trước, trong, sau khi bị hiếp dâm Nguyễn Thị G mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai báo thành khẩn, Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, cho Nguyễn Văn T diễn lại hành vi giao cấu với Nguyễn Thị G tại hiện trường vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 11/KSĐT ngày 19 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Hiếp dâm” theo điểm d, khoản 2, Điều 111 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hiếp dâm”; áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 111; điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Văn T từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù; áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584 và 592 Bộ luật dân sự; buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho cháu Nguyễn Thị G do ông Nguyễn Văn H đại diện số tiền từ 23.000.000đ đến 25.600.000đ ; áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu 3 bộ quần áo của T để tiêu hủy.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội; nhưng bị cáo là người có văn hóa thấp, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhận thức lạc hậu; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, khoản 1 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 111 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn T khai báo thành khẩn, bị cáo thừa nhận hành vi bị cáo quan hệ tình dục với cháu Nguyễn Thị G là vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo về tội “Hiếp dâm” là đúng người, đúng tội; bị cáo không bị oan sai.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY

Bị cáo Nguyễn Văn T biết rõ cháu Nguyễn Thị G bị bệnh mất trí khôn từ nhỏ, nhưng T vẫn có ham muốn quan hệ tình dục với cháu G. Vào thời điểm tháng 5 năm 2016 ông Nguyễn Văn H là cha đẻ cháu G đi làm ăn xa, buổi tối cháu Nguyễn Văn N là em trai G thường đi chơi, chỉ có một mình G ở nhà. Lợi dụng hoàn cảnh đó, bị cáo T đã 3 lần đến nhà ông H vào thời điểm từ 19 giờ đến 20 giờ tiếp cận, sàm sỡ, giao cấu với cháu G; vì cháu G bị bệnh tâm thần nặng từ nhỏ, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nên khi bị T sàm sỡ, giao cấu thì cháu G không có lý trí để phản ứng, kháng cự. Mặc dù không xác định được chính xác từng lần bị cáo giao cấu với cháu G vào ngày nào, nhưng trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các bản Kết luận giám định. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã lợi dụng tình trạng cháu Nguyễn Thị G không thể tự vệ được để thực hiện hành vi giao cấu với cháu G; vì cháu G mất khả năng nhận thức nên việc bị cáo giao cấu với cháu G được xác định là trái với ý muốn của cháu G. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Văn T đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm”, do bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với cháu G 3 lần là tình tiết “phạm tội nhiều lần”; vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động truy tố bị cáo Nguyễn Văn T theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 111 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất đồi bại, suy thoái về đạo đức; để thỏa mãn dục vọng thấp hèn, bị cáo đã bất chấp đạo lý, quan hệ tình dục với người bị bệnh tâm thần chỉ đáng tuổi con của bị cáo. Mặc dù người đại diện hợp pháp của cháu G có yêu cầu bồi thường nhưng bị cáo không bồi thường đồng nào, chứng tỏ bị cáo không biết ăn năn, hối cải; cần phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội.

Xem xét các tình tiết để quyết định hình phạt, Hội đồng xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, hành vi phạm tội của bị cáo không gây tổn hại về sức khỏe cho người bị hại; bản thân bị cáo là người dân lao động có nhân thân tốt, quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn khai báo thành khẩn, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức còn

hạn chế; vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, hình phạt giành cho bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị G là ông Nguyễn Văn H yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường các khoản sau:

- Tiền thuê xe ô tô chở cháu G đi từ nhà đến Bệnh viện Đa khoa huyện Sơn Động 2 lần, mỗi lần cả đi và về = 500.000đồng; cộng = 1.000.000đồng.
 - Tiền thuê xe ô tô chở cháu G đi từ nhà đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang 2 lần, mỗi lần cả đi và về = 2.000.000đồng; cộng = 4.000.000đồng.
 - Tiền thuê xe ô tô chở cháu G đi từ nhà đến Bệnh viện Tâm thần Trung ương ở Hà Nội, một chiều đi = 3.000.000đồng.
 - Tiền ăn uống các lần đi giám định và 25 ngày nằm tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương để theo dõi; tổng cộng = 7.000.000đồng
 - Bồi thường danh dự, nhân phẩm cho cháu G = 20.000.000đồng.
 - Bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu G = 15.000.000đồng.
- Tổng cộng ông H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường = 50.000.000đồng.

Tại phiên tòa bị cáo T đồng ý sẽ bồi thường cho cháu G, nhưng gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên chưa có tiền bồi thường; bị cáo và ông H cùng đề nghị giải quyết việc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ông H yêu cầu bị cáo T phải bồi thường do danh dự, nhân phẩm của cháu G bị xâm phạm là đúng quy định tại Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhưng mức yêu cầu bồi thường có nhiều khoản không có căn cứ. Hội đồng xét xử xác định các khoản thiệt hại cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho cháu G do ông H đại diện như sau: Tiền thuê phương tiện để đưa cháu G đi bệnh viện khám, giám định y khoa và đi nằm viện để theo dõi, giám định tâm thần cộng = 8.000.000đồng là theo yêu cầu của Cơ quan điều tra nên có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường tiền ăn uống các lần đi khám, giám định (4 ngày) và 25 ngày nằm theo dõi tại Bệnh viện Tâm thần Trung ương là không có cơ sở; tuy nhiên trong thời gian này ông H phải nghỉ lao động để đưa cháu G đi khám, giám định nên bị mất thu nhập; căn cứ kết quả xác minh tại địa phương xác định mức thu nhập của ông H là 160.000đ/ngày; như vậy tiền mất thu nhập của ông H là 29 ngày x 160.000đ = 4.640.000đồng. Ngoài ra cần buộc bị cáo T còn phải bồi thường cho cháu G một khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương

đương với 7 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, khoản bồi thường này là $1.300.000đ \times 7 = 9.100.000đ$ ồng. Tổng cộng các khoản, buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho cháu Nguyễn Thị G là 21.740.000đồng.

*** Về vật chứng:**

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T giao nộp 3 bộ quần áo đã mặc trong 3 lần đến nhà ông H giao cầu với cháu G, cụ thể:

- 1 áo sơ mi dài tay, màu xanh lá cây, kiểu dáng bộ đội, cỡ áo 4B; áo cũ.
- 1 áo sơ mi dài tay, màu xanh lam, kiểu budong; bị rách nhiều vị trí; áo cũ.
- 1 áo sơ mi dài tay, màu nâu nhạt, túi áo ngực trái bị rách; áo cũ.
- 1 quần dài màu xanh lá cây, kiểu dáng bộ đội, cỡ 5B; quần cũ.
- 1 quần dài màu xanh lam, bị rách ở nhiều vị trí khác nhau; quần cũ.
- 1 quần dài màu đen; quần cũ.

Xét thấy 3 bộ quần áo nêu trên là trang phục cá nhân của Nguyễn Văn T có liên quan đến các hành vi phạm tội của T, nhưng không phải là vật chứng của vụ án. Tại phiên tòa T xác định cả 3 bộ quần áo đều đã cũ, rách, giá trị không đáng kể, T không có nguyện vọng nhận lại; vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Văn T là thành viên hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Hiếp dâm”.

1- Áp dụng điểm d, khoản 2, Điều 111; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 07 (Bảy) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2- Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự, Điều 584 và Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho cháu Nguyễn Thị G (do ông Nguyễn Văn H đại diện) số tiền là 21.740.000đ (Hai mươi một triệu, bảy trăm, bốn mươi nghìn đồng chẵn).

** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu của Nguyễn Văn T 3 chiếc áo sơ mi dài tay đã cũ, 3 chiếc quần dài đã cũ có đặc điểm như Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 07/02/2017 (BL 34) và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/6/2017 để tiêu hủy.

Những đồ vật nêu trên lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

4- Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo có mặt, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Công an huyện SĐ
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thái